

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2024/KDTM-ST**
Ngày 30/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Văn Nhớ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Trình**

Ông **Mai Văn Du**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Dự** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thu Sương**, Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2017/TLST - KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ XNK T T

Địa chỉ: Số 368/24/22 đường T S N, phường T S N, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Thân Đức T, chức vụ: Giám đốc. (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH E & D V N

Địa chỉ: Tầng 11, số 4A đường L H, phường T C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Chu Hồng N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Quỳnh H, chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Quỳnh H – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH E & D V N, địa chỉ: Số 39, ngõ 49 H T K, phường L H, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt

- Ông Phan Đình T, – Chức vụ: Nhân viên - Công ty TNHH E & D V N – Chi nhánh: Đà Nẵng, địa chỉ: Tầng 1 Monaco tower, Số 24 D Đ N, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. vắng mặt

- Trường tiểu học P T, địa chỉ: Số 117 N C T, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hồng T- chức vụ: Hiệu trưởng.vắng mặt

- Trường THCS N K, địa chỉ: Số 02 Đ X B, phường K T, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật bà Hồ Thị Thu T - chức vụ: Hiệu trưởng.vắng mặt

- Trường tiểu học L T T, địa chỉ: Số 12 L T T, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật bà Phan Thị Tuyết L - chức vụ: Hiệu trưởng.vắng mặt

- Trường tiểu học N T, địa chỉ: Số 158 Y L N P, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật bà Huỳnh Thị Thu N - chức vụ: Hiệu trưởng.vắng mặt

- Trường tiểu học B V Đ, địa chỉ: 181/16 T C, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật bà Bùi Thị B - chức vụ: Hiệu trưởng.vắng mặt

- Trường tiểu học T N T, địa chỉ: B15/7 ấp 2 xã B C, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Lê Bích L - chức vụ: Hiệu trưởng. Có đơn xin vắng mặt

- Trường tiểu học T V O, địa chỉ: Số 612 L L Q, phường 5, quận 11, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật ông Phạm Thanh M - chức vụ: Hiệu trưởng. Có đơn xin vắng mặt

- Ông Nguyễn Bội Q, địa chỉ: Số 69, đường số 10, khu phố 1, phường T T Đ, quận 7, TP Hồ Chí Minh.vắng mặt

- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ ROBO, địa chỉ: Số 106 -108 C Q, phường P N L, quận 1, TP Hồ Chí Minh.Có đơn xin vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn U, địa chỉ: số 184 T P, phường 6, quận 10, TP Hồ Chí Minh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ xuất nhập khẩu T T (Sau đây gọi tắt là Công ty T T) trình bày:*

Vào năm 2012, Công ty TNHH TM & DV XNK T T có ký tổng cộng 08 hợp đồng mua bán hàng hoá, cung cấp, lắp đặt thiết bị tin học với Công ty TNHH E & D V N cho một số trường học tại Đà Nẵng. Vì hai công ty là đối tác làm ăn lâu năm, từng ký nhiều hợp đồng và thực hiện mua bán tại TP.HCM nên Công ty chúng tôi tin tưởng lập hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty TNHH E&D V N có trụ sở tại Hà Nội và bàn giao hàng hoá cho đại diện phía Công ty TNHH E&D V N tại TP.Đà Nẵng.

Theo thoả thuận trong hợp đồng giữa hai bên, sau khi Công ty T T bàn giao hàng hoá thì trong vòng 15 ngày Công ty TNHH E&D V N phải có nghĩa vụ thanh toán 100% tiền hàng cho Công ty T T. Đồng thời cũng quy định trong khoản 02 Điều 06 của hợp đồng về việc bên mua chậm thanh toán tiền mua hàng phải chịu phạt 0,15% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trả.

Tất cả 08 hợp đồng hai bên đã thoả thuận, thực hiện ở một số trường học tại tp Đà Nẵng , Công ty chúng tôi đã hoàn thành việc bàn giao hàng hoá nhưng Công ty TNHH E&D V N chỉ mới thanh toán được 3 hợp đồng. Cụ thể là:

- Hợp đồng 022/12 ngày 20/09/2012, trị giá 101.170.004 đồng, biên bản giao nhận thiết bị ngày 12/10/2012 tại trường tiểu học A P, Công ty đã thanh toán và có hoá đơn số 181 ngày 20/12/2012.

- Hợp đồng 10/04/12, ngày 30/09/2012, trị giá 158.239.800 đồng, biên bản giao nhận thiết bị ngày 12/10/2012 tại trường tiểu học P T, Công ty đã thanh toán và có hoá đơn số 179 ngày 18/12/2012.

- Hợp đồng 02/10/12 ngày 02/10/2012, trị giá 139.429.600 đồng, biên bản giao nhận thiết bị ngày 12/10/2012 tại trường tiểu học T V O, Công ty đã thanh toán và có hoá đơn số 180 ngày 19/12/2012.

Với 05 hợp đồng còn lại dù Công ty T T đã gửi nhiều công văn yêu cầu trả tiền nhưng phía Công ty TNHH E&D V N vẫn cố tình không thanh toán, Cụ thể là:

- Hợp đồng ngày 3/10/12, trị giá: 158.239.000 đồng, tại trường N K, biên bản giao nhận thiết bị ngày 12/10/2012.

- Hợp đồng ngày 10/12/12, trị giá: 154.099.720 đồng, tại trường bán công năng khiếu, biên bản giao nhận thiết bị ngày 19/10/2012.

- Hợp đồng ngày 10/15/12, trị giá: 4.590.000 đồng, tại trường bán công năng khiếu, biên bản giao nhận thiết bị ngày 20/10/2012.

- Hợp đồng ngày 20/09/12, trị giá: 4.140.000 đồng, tại trường N T, biên bản giao nhận thiết bị ngày 19/10/2012.

- Hợp đồng ngày 21/09/12, trị giá: 4.140.000 đồng tại trường B V Đ, biên bản giao nhận thiết bị ngày 19/10/2012.

Do vậy công ty chúng tôi yêu cầu Công ty TNHH E&D V N phải trả cho chúng tôi các khoản tiền mua hàng sau:

- Tổng số tiền hàng còn lại chưa thanh toán là **325.209.530 đồng** (*Ba trăm hai mươi lăm triệu hai trăm lẻ chín ngàn năm trăm bao mươi đồng*).

- Tổng số tiền phạt do vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán phạt 0.15% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trả tại phiên toà, ông Thân Đức T thay đổi ý kiến, yêu cầu Công ty TNHH E&D V N phải trả tiền lãi từ ngày cuối cùng của cam kết trả nợ 06/11/2012 cho đến ngày xét xử(18/9/2015) là **124.000.000 đồng**.

- Tổng số tiền Công ty T T yêu cầu Công ty E&D phải thanh toán là: **449.209.530 đồng** (*Bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ chín ngàn năm trăm ba mươi đồng*).

*Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng những hợp đồng bị đơn chưa thanh toán là do không đảm bảo về hình thức cũng như biên bản giao nhận thiết bị không trùng khớp với hợp đồng, Công ty T T có ý kiến: Theo thông lệ từ trước đến nay khi Công ty T T gửi email cho Công ty E&D V N hợp đồng mua bán hàng hoá, khi Công ty E&D chấp nhận xác lập hợp đồng với chúng tôi thì Giám đốc Công ty là bà Nguyễn Quỳnh H liên lạc với chúng tôi bằng điện thoại để thông báo về thời gian và địa điểm giao hàng. Trên cơ sở thoả thuận này thì chúng tôi mới tiến hành bàn giao, lắp đặt thiết bị theo yêu cầu của Công ty E&D có ký nhận của nhân viên kỹ thuật của Công ty E&D đại diện cho bên nhận là ông Phan Đình T. Vì vậy, mặc dù hợp đồng không đúng về hình thức nhưng các bên đã tham gia thực hiện. Công ty T T đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng nên bên mua là Công ty E&D V N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty T T.

+ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Công ty T T thanh toán số tiền **309.664.000 đồng**, trong đó:

- **116.440.000 đồng** mà bị đơn đã dùng để mua 82 màn hình mới để thay thế tại 02 trường P T và N K, TP Đà Nẵng.

- **123.540.000 đồng** bị đơn đã dùng để mua 87 màn hình mới để thay thế tại 02 trường T V O và T N T, TP Hồ Chí Minh.

Vì cho rằng Công ty T T lắp đặt màn hình cũ không đảm bảo chất lượng như cam kết.

- **47.284.000 đồng** tiền mua thiết bị ngoài thay thế và sửa chữa.

- **22.400.000 đồng** thuê kho chứa từ tháng 5/2013 đến 9/2015

Công ty T T không chấp nhận yêu cầu phần tố của bị đơn, bởi vì: Các hợp đồng mua bán và bàn giao cho bị đơn tại TP Đà Nẵng cũng như tại TP Hồ Chí Minh của Công ty T T đã giao các thiết bị màn hình mới 100% được đại diện của bị đơn kiểm tra và ký nhận, đóng dấu bàn giao trong các biên bản giao hàng, Công ty E&D V N đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Sau khi giao hàng, Công ty T T vẫn thực hiện nghĩa vụ bảo hành hàng hoá cho đến tháng 05/2013. Các nội dung này được thể hiện tại các email trao đổi giữa đại diện là bà Nguyễn Quỳnh H và đại diện phía Nam là bà Nguyễn Thị H mà các bên đã cung cấp cho Toà án, Quá trình bảo hành, Công ty chúng tôi không hề nhận được thông báo bằng văn bản nào của bị đơn phải yêu cầu thay thế toàn bộ màn hình tại các hợp đồng trên.

Cuối tháng 9/2013, chúng tôi mới nhận được công văn số 04/EDVN-CV thông báo về việc Công ty E&D V N đã thay thế toàn bộ màn hình tại các trường trên từ ngày 01/04/2013 để trừ nợ Công ty T T trong khi vào tháng 5/2013 nhân viên chúng tôi vẫn tiến hành sửa chữa, bảo hành tại các trường trên theo yêu cầu của Công ty E&D mà không có sự thay đổi màn hình mới nào so với lắp đặt ban đầu của chúng tôi như trình bày của bị đơn.

*** Bị đơn Công ty TNHH E&D V N trình bày:**

Công ty TNHH E&D V N (Công ty E&D) không đồng ý thanh toán số tiền 325.209.530 đồng tiền gốc và 260.678.610 đồng (nay Công ty T T yêu cầu là 124.000.000 đồng) tiền lãi phạt do chậm thanh toán cho Công ty T T với lý do:

- Hợp đồng số 03/10/2012, biên bản giao nhận thiết bị ngày 12/10/2012 tại trường N K, TP Đà Nẵng Công ty E&D đã thanh toán và có hoá đơn số 179 ngày 18/12/2012 tính tiền 158.239.800 đồng .

+ Với 04 hợp đồng cụ thể là:

- Hợp đồng ngày 10/12/12, trị giá: 154.099.720 đồng, tại trường bán công năng khiếu, biên bản giao nhận thiết bị ngày 19/10/2012.

- Hợp đồng ngày 10/15/12, trị giá: 4.590.000 đồng, tại trường bán công năng khiếu, biên bản giao nhận thiết bị ngày 20/10/2012.

- Hợp đồng ngày 20/09/12, trị giá : 4.140.000 đồng, tại trường N T, biên bản giao nhận thiết bị ngày 19/10/2012.

- Hợp đồng ngày 21/09/12, trị giá: 4.140.000 đồng, tại trường B V Đ, biên bản giao nhận thiết bị ngày 19/10/2012.

Công ty E&D xác nhận chữ ký của ông Phan Đình T và dấu xác nhận trong các Biên bản bàn giao thiết bị ngày 10/10/2012, ngày 20/10/2012, 12/10/2012 là đúng của Công ty T T vì hợp đồng không đảm bảo về hình thức cũng như biên bản giao nhận thiết bị không trùng khớp với nội dung hợp đồng, 04 biên bản bàn giao thiết bị này có thể do thực hiện việc thay thế thiết bị trong quá trình bảo hành.

Đồng thời, Công ty E&D có ý kiến phản tố với nội dung:

Toàn bộ 41 màn hình tại Hợp đồng số 09/ED/PT/10-12/HTĐT ký tháng 10/2012, địa điểm lắp đặt máy ở trường P T, Đà Nẵng; 41 màn hình tại Hợp đồng số 10/ED/NK/10-12/HTĐT ký tháng 11/2012, địa điểm lắp đặt máy ở trường N K, TP Đà Nẵng; 41 màn hình tại Hợp đồng số 46HCM/ED/TVO/09-12/HTĐT ký tháng 9/2012, địa điểm lắp đặt máy ở trường T V O, TP Hồ Chí Minh; 46 hợp đồng số 26/ED/TNT/10-12/HTĐT ký tháng 10/2012, địa điểm lắp đặt máy ở trường T N T, TP Hồ Chí Minh đều là màn hình cũ, sản xuất từ năm 2005-2006.

Hiệu trưởng trường T N T đã có bản xác nhận về việc T T cung cấp màn hình cũ không chịu thay thế mà công ty E&D V N phải tự mua máy thay thế cho 46 màn hình mới.

Hiện tại toàn bộ số màn hình này đang được bảo quản tại địa chỉ: thuê kho số nhà 69, đường số 10, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh và kho của Công ty E&D V N tại TP Đà Nẵng.

Công ty E&D V N đã yêu cầu Công ty T T thay màn hình mới đồng thời nhận lại toàn bộ màn hình không đảm bảo chất lượng cũng như thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ bảo hành nhưng không nhận được sự phản hồi nào từ Công ty T T nên Công ty đã bỏ tiền ra thay thế toàn bộ 169 màn hình cũ này.

Nay, Công ty E&D V N đã yêu cầu Công ty T T trả các khoản sau:

+ Tiền mua 169 chiếc màn hình này theo hoá đơn số 0023811, số 0024450, 0000196 và hoá đơn 0024314 mua của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Robo trị giá 1.420.000 đồng x 169 chiếc = 239.980.000 đồng.

+ Tiền kho bãi: Từ tháng 5/2013 đến tháng 9/2015, Công ty E&D phải thuê kho bãi với số màn hình mà Công ty T T Không đảm bảo chất lượng với chi phí: 800.000 đồng x 28 tháng = **224.000.000 đồng.**

+ Tiền Công ty E&D đã phải tự mua thiết bị phụ thay thế và sửa chữa do Công ty T T không thực hiện là: **47.284.000 đồng.**

Tổng cộng số tiền Công ty T T phải có nghĩa vụ trả cho chúng tôi là: **309.664.000 đồng.**

*** Tại bản tự khai ngày 19/12/2014 và tại các biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà bà Nguyễn Quỳnh H, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH E&D V N – là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Vào năm 2012, Công ty TNHH E&D V N có thực hiện một số hợp đồng mua bán thiết bị máy tính gồm CPU và màn hình với Công ty TNHH TM &DV XNK T T. Do mối quan hệ làm ăn lâu năm nên các hợp đồng thực hiện theo tính gói đầu. Giao nhận tại một số địa điểm do Công ty E&D V N chỉ định cho một số trường học tại TP Đà Nẵng cũng như TP Hồ Chí Minh. Trong các thoả thuận đặt hàng để ký hợp đồng, hai bên đã xác nhận hình thức cũng như chất lượng máy tính phải đảm bảo như trong hợp đồng cam kết. Tuy nhiên, trong các lô hàng giao nhận tại TP Hồ Chí Minh vào thời điểm trước đó, Công ty T T đã giao hàng cũ đã qua sử dụng, màn hình bị hở, bong nẹp và bị hở điện gây giật điện cho học sinh, đồng thời nhãn mác màn hình đã bị bong tróc và không đọc được là của hãng nào. Công ty E&D V N đã yêu cầu Công ty T T thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng tại TP HCM và Đà Nẵng nhưng Công ty T T không những không thực hiện đổi hàng mới mà không chịu bảo hành với những lô hàng khác và tiếp tục giao hàng cũ tại các địa điểm đặt hàng với Công ty E&D V N tại Đà Nẵng.

Công ty E&D V N đã nhiều lần gửi công văn đến Công ty T T nhưng các thư đều bị trả về và không điện thoại được nên Công ty E&D VN phải bỏ tiền mua toàn bộ thiết bị bảo hành và thay thế màn hình cũ bằng màn hình mới cho các điểm trường đặt hàng và có công văn yêu cầu Công ty T T thực hiện mang lô hàng cũ về nhưng Công ty T T vẫn làm ngơ và tiếp tục đòi tiền những lô hàng cũ giao tại Đà Nẵng.

Theo chứng từ ở công ty thì chỉ còn chưa thanh toán 02 hợp đồng đã ký kết với Công ty T T tại địa bàn thành phố Đà Nẵng. Công ty E&D V N không thanh toán 02 hợp đồng vì chất lượng lô hàng này cũng như lô hàng ở TP Hồ Chí Minh không đảm bảo và Công ty T T không thực hiện nghĩa vụ bảo hành với các lô hàng.

Công ty E&D V N đã có bảng tính chi tiết về số hàng cũ, các thiết bị đã qua sử dụng và yêu cầu Công ty T T mang về nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện do Công ty T T không còn ở địa chỉ cũ nữa.

** Bà Bùi Thị B – đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học B V Đ, TP Đà Nẵng, bà Huỳnh Thị Thu N – Đại diện theo pháp luật của Trường tiểu học N T, bà Phan Thị Tuyết L – Đại diện theo pháp luật: Trường tiểu học L T T (trước đây là Trường tiểu học Bán công Năng khiếu Đà Nẵng) – là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:*

Các trường không ký hợp đồng mua bán hàng hoá là các máy vi tính với Công ty TNHH E&D V N . Trên cơ sở liên kết đào tạo anh văn cho học sinh, năm 2011 và 2012 nhà trường không có ý kiến khiếu nại hay yêu cầu gì về máy móc lắp đặt tại trường vì không phải là tài sản của nhà trường. Sau một thời gian đào tạo không hiệu quả nên Công ty TNHH E&D V N đã tự tháo dỡ đem máy móc thiết bị đi đâu không rõ.

** Ông Phạm Thanh M – đại diện trường tiểu học T V O, TP Hồ Chí Minh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Khoảng năm 2012, trường tiểu học T V O có ký hợp đồng đào tạo số 24/HCM/ED TVO 89 – 12/HĐĐT với Công ty TNHH E&D V N để tổ chức giảng dạy tiếng anh cho học sinh. Theo hợp đồng, bên Công ty TNHH E&D V N cung cấp toàn bộ số máy tính là 41 bộ (Bốn mươi một bộ) cho nhà trường để phục vụ giảng dạy.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do liên tục có sự cố màn hình máy tính mà chúng tôi nghĩ có thể là màn hình cũ đã qua sử dụng nên có báo cáo cho Công ty E&D V N khắc phục bằng cách thay thế lô màn hình này.

Một thời gian sau, Công ty TNHH E&D V N có đem màn hình khác hiệu AOC đến thay thế và chúng tôi đã sử dụng cho đến hôm nay.

Thực tế nhà trường chỉ biết làm việc với Công ty TNHH E&D V N để thay thế màn hình, chúng tôi không biết Công ty TNHH TM&DV XNK T T là đối tác nào cả.

Việc Công ty TNHH E&D V N có ký hợp đồng với Công ty TNHH TM&DV XNK T T về việc cung cấp thiết bị cho nhà trường chúng tôi hay không, tôi không nắm rõ, chúng tôi chỉ nghĩ người cung cấp thiết bị này là nhân viên của Công ty TNHH E&D V N. Cho đến gần đây, qua vụ kiện, chúng tôi mới được biết là Công ty TNHH E&D V N ký hợp đồng cung cấp thiết bị với Công ty TNHH TM&DV XNK T T.

Chúng tôi khẳng định trong quá trình thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH E&D V N thì có nhiều màn hình không khởi động được hoặc màn hình màu sắc không trung thực nên nhà trường đề nghị thay đổi hết 41 màn hình và Công ty TNHH E&D V N đã thực hiện theo yêu cầu.

Riêng giá trị của lô màn hình này, chúng tôi không nắm rõ vì chúng tôi chỉ biết hợp đồng cung cấp thiết bị cho việc giảng dạy. Sau khi màn hình được thay thế thì chúng tôi đã sử dụng được cho đến nay, những trường hợp hư hỏng do hệ điều hành hoặc những vấn đề khác thì chúng tôi báo với Công ty TNHH E&D V N cử nhân viên IT xuống xưởng để xử lý (không nhớ số lần bảo hành và giá trị bảo hành không rõ).

** Bà Võ Thị Thanh V – Đại diện pháp luật của trường tiểu học T N T, thành phố Hồ Chí Minh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Trường T N T và Công ty TNHH E&D V N có ký hợp đồng đào tạo số 26/ED-TNT/10-12 HTĐT với nội dung là đào tạo học sinh học phần mềm hỗ trợ Anh văn, đối với việc ký kết hợp đồng mua bán máy giữa hai Công ty thì trường hoàn toàn không hề biết.

Vào khoảng tháng 10/2012, Công ty TNHH E&D V N có lắp đặt 46 bộ máy vi tính cho trường. Sau một vài tháng sử dụng thì trường phát hiện khung màn hình bị bong tróc sơn, và có kẻ hở non, một số máy màn hình bị mờ và có đường kẻ sọc. Nhà trường có kiến nghị, thông báo (bằng miệng) với Công ty TNHH E&D V N về hàng không đảm bảo chất lượng. Sau khi khiếu nại thì Công ty TNHH E&D V N có thay thế sản phẩm là 46 màn hình AOC. Thời điểm thay thế khoảng tháng 5 năm 2013. Số lượng thay thế là 46 màn hình AOC. Cho đến thời điểm hiện nay thì 46 màn hình AOC đã được thay thế không bị khuyết điểm.

Do sau khi phát hiện sớm và được thay mới toàn bộ 46 màn hình máy vi tính mới nên nhà trường không có thực hiện việc bảo hành, giá trị hợp đồng bao nhiêu thì nhà trường không nắm rõ.

** Ông Nguyễn Hồng Tân – đại diện pháp luật của trường tiểu học P T, thành phố Đà Nẵng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Nhà trường có tạo điều kiện cho mượn phòng để dạy tiếng Anh cho học sinh nhà trường đối với Công ty Dy Net trong khoảng thời gian năm 2012-2013.

Việc dạy học tiếng Anh cho học sinh của Công ty Dy Net không đạt hiệu quả và hiện nay nhà trường không còn liên kết với Công ty Dy Net nữa vì học sinh của trường không có tiền đóng học phí, không tham gia học nữa.

Về chất lượng trang thiết bị, máy móc, màn hình để hỗ trợ việc học tiếng Anh cho học sinh, bên phía nhà trường không nghe phản ánh gì.

Theo nhà trường xác nhận thì tên ‘Công ty Dy Net’ là tên thường gọi khác của Công ty TNHH E&D V N đều là một và người ký hợp đồng liên kết đào tạo với trường P T, thành phố Đà Nẵng là bà Nguyễn Quỳnh H.

Toàn bộ trang thiết bị dạy học của “Công ty Dy Net” đã chuyển đi nơi khác, không còn lại ở trường tiểu học P T. Nhà trường chưa bao giờ làm việc và cũng không biết về Công ty TNHH TM&DV XNK T T là đơn vị nào.

** Bà Hồ Thị Thu Thanh – đại diện theo pháp luật của trường THCS N K, thành phố Đà Nẵng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Theo nhà trường tạo điều kiện cho Công ty Dy Net được mượn cơ sở, phòng học, qua đó Công ty Dy Net sẽ triển khai dạy tiếng Anh cho học sinh của nhà trường. Nhà trường ký hợp đồng dạy tiếng Anh trực tiếp với Công ty TNHH E&D V N chỉ liên kết dạy học. Nhà trường được biết qua phản ánh của thầy cô và học sinh thì có một số máy bị trục trặc kỹ thuật, còn nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành của Công ty thì nhà trường không rõ.

Theo nhà trường thì tên Công ty Dy Net là tên thường gọi của trường với Công ty TNHH E&D V N là một.

Máy móc có trục trặc kỹ thuật chất lượng màn hình không đảm bảo, tuy nhiên, nhà trường không có khiếu nại, ý kiến gì vì chúng tôi chỉ liên kết đào tạo với Công ty Dy Net. Năm 2013, Công ty Dy Net chấm dứt hợp đồng liên kết đào tạo với nhà trường và chuyển toàn bộ máy móc, thiết bị đi đâu thì tôi không rõ. Nhà trường chưa bao giờ làm việc, tiếp xúc và cũng không biết Công ty TNHH TM&DV XVK T T là đơn vị nào.

** Ông Nguyễn Bội Q là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Tôi có cho Công ty TNHH E&D V N thuê 01 (Một) phòng tầng hầm (40m) của căn nhà tại địa chỉ số 69 đường số 10 Khu dân cư Nam Long, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng số 69/HĐTD ngày 20/5/2013 để Công ty làm cho chứa hàng (Màn hình vi tính) thời hạn là 02 (Hai) năm từ 20/5/2013 – 20/5/2015, giá cho thuê là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng)/tháng. Đến nay đã quá hạn hợp đồng gần 02 (Hai) tháng nhưng hàng hoá (Màn hình vi tính) của Công ty TNHH E&D V N vẫn chưa được dọn đi.

Quá trình Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm sau khi có Quyết định giám đốc Thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thu thập như sau:

- Bà Võ Thị Thanh V – nguyên Hiệu trưởng trường tiểu học T N T, thành phố Hồ Chí Minh trình bày tại biên bản xác minh ngày 23/11/2023: Tại thời điểm năm 2013, Nhà trường là đơn vị thụ hưởng được lắp đặt 1 số lượng máy tính để hỗ trợ chương trình phần mềm hỗ trợ Tiếng Anh cho học sinh. Nhà trường là đơn vị được tài trợ máy nên không rõ về việc cung cấp máy móc từ đơn vị nào cũng không rõ về đơn vị lắp đặt máy. Tuy nhiên, nhà trường xác định số lượng máy nhập tại thời điểm này là 46 máy vi tính. Đối với nội dung xác nhận theo văn bản số 021/FDVN-CV ngày 30/5/2013 của Công ty E&D gửi đến nhà trường, bà có xác nhận nội dung việc thay thế các màn hình AOC tại trường T N T nhưng bà không xác nhận về số lượng màn hình được thay thế, tại thời điểm đó, bà chỉ xác định có sự việc bị bong tróc các màn hình, máy vi tính nhưng số lượng cụ thể bao nhiêu bà không nắm được.

- Tại biên bản xác minh ngày 24/11/2023, ông Phạm Thanh Minh nguyên Hiệu trưởng trường Tiểu học T V O trình bày:

Tại thời điểm năm 2012 nhà trường là đơn vị thụ hưởng được lắp đặt trang thiết bị máy tính và có ký kết hợp đồng hợp tác đào tạo số 2 6 ngày 17 tháng 9 năm 2012 với Công ty E&D để thực hiện chương trình giảng dạy tiếng Anh đa phương tiện cho học sinh nhà trường theo đó Công ty E&D đã lắp đặt 41 bộ máy tính cho nhà trường. Sau khi máy tính được lắp đặt sử dụng khoảng 1 tháng thì nhà trường phát hiện sự cố máy móc không sử dụng được các màn hình được lắp đặt là màn hình cũ bị bong tróc nên bản thân là hiệu trưởng nhà trường có phản ánh tới công ty sau đó công ty có cho người xuống kiểm tra xác định màn hình không sử dụng được và ngay sau đó đã cho thay mới toàn bộ 41 màn hình AOC tại trường Tiểu học T V O.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có văn bản đề nghị giữ nguyên yêu cầu phản tố.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:**

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, một số

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TM&DV XNK T T đối với Công ty TNHH E&D V N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH E&D V N đối với Công ty TNHH TM&DV XNK T T đối với số tiền 123.540.000 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH E&D V N đối với Công ty TNHH TM&DV XNK T T về một phần số tiền thay màn hình, tiền thuê kho và mua phụ kiện sửa chữa. Đề nghị tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH E&D V N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH TM&DV XNK T T 449.901.320 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH TM&DV XNK T T phải trả cho Công ty TNHH E&D V N số tiền 123.540.000 đồng.

3. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn Công ty E&D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Quỳnh H, Hiệu trưởng Trường Tiểu học T N T, Trường Tiểu Học T N T; Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ ROBO có đơn xin vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm Ông Phan Đình T; Trường tiểu học P T; Trường THCS N K; Trường tiểu học L T T; Trường tiểu học N T; Trường tiểu học B V Đ; Ông Nguyễn Bội Q; Ông Nguyễn Văn U đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét về nội dung hiệu lực của Hợp đồng giao kết giữa Công ty T T và Công ty E&D thì thấy: Vào năm 2012, Công ty T T và Công ty E&D có giao kết với nhau về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị tin học cho các trường học tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể nội dung giao kết: Sau khi T T thực hiện việc soạn thảo hợp đồng rồi gửi qua email cho Công ty E&D, hình thức hợp đồng chỉ có bên cung cấp là T T ký kết vào hợp đồng, còn Công ty E&D không thực hiện việc ký kết. Mặc dù Công ty E&D không thực hiện việc ký kết theo nội dung hợp đồng mà T T đã soạn thảo nhưng giữa các bên có việc thực hiện

theo giao kết hợp đồng đối với 08 lần thực hiện việc cung cấp và lắp đặt thiết bị. Cụ thể tại các Trường tiểu học An Phước (Đà Nẵng), E&D đã thanh toán và cung cấp hóa đơn cho T T ngày 20/12/2012; Tại trường Tiểu học P T (Đà Nẵng) đã thanh toán và xuất hóa đơn ngày 18/12/2012; Trường tiểu học T V O (Hồ Chí Minh) đã thanh toán và xuất hóa đơn ngày 19/12/2012; Trường Tiểu học N K (Đà Nẵng); Trường Bán công năng khiếu (Hai lần thực hiện hợp đồng); Trường Tiểu học N T, Trường Tiểu học B V Đ (Đà Nẵng) (5 lần giao máy móc chưa thực hiện việc thanh toán). Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù giữa các bên chưa ký kết về hợp đồng nhưng quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị, Công ty T T có đưa ra những nội dung trong hợp đồng bằng hình thức Email cho Công ty E&D, sau đó E&D đã thông báo cho T T thời gian và địa điểm lắp đặt thiết bị. Công ty T T đã thực hiện việc giao hàng và E&D đã thanh toán như nêu trên nên hợp đồng giữa hai bên được xác định là hợp đồng miệng có giá trị pháp lý, được xác lập và được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty T T , HĐXX xét thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T T xác định Công ty E&D chưa thanh toán đối với 05 Hợp đồng, cụ thể tại Trường N K, hợp đồng trị giá 158.239.000 đồng; Trường Bán công năng khiếu Đà Nẵng (nay là Trường THCS L T T) số tiền 154.099.720 đồng (HĐ ngày 12/10/2012); Trường Bán công năng khiếu Đà Nẵng (nay là Trường THCS L T T) số tiền 4.590.000 đồng (HĐ ngày 15/10/2012); Trường N T số tiền 4.140.000 đồng (HĐ ngày 20/9/2012); Trường B V Đ số tiền 4.140.000 đồng (HĐ ngày 21/9/2012). Tổng cộng số tiền T T cho rằng E&D chưa thanh toán là 325.509.320 đồng. Công ty E&D quá trình giải quyết vụ án và thể hiện tại lời khai hồ sơ vụ án xác định không đồng ý thanh toán các lần theo nội dung T T trình bày, bởi lẽ các lần giao này không có hợp đồng ký kết, đối với số tiền 158.239.000 đồng tại Trường N K đã thanh toán theo hóa đơn ngày 18/12/2012.

[4] HĐXX xét thấy: Như đã nhận định nêu trên về tính pháp lý của hợp đồng, mặc dù các bên không ký kết về hợp đồng nhưng E&D đã tiếp nhận và thông báo thời gian, địa điểm lắp đặt máy cho T T . Đối với 05 lần giao máy tại các điểm trường nêu trên đều có xác nhận đã nhận hàng và kiểm tra hàng của Nhân viên Công ty E&D là ông Phan Đình T. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty E&D xác nhận ông Phan Đình T là nhân viên Công ty. Như vậy, việc ông Phan Đình T ký vào các biên bản giao nhận thiết bị các ngày 12/10/2012; 19/10/2012 (3 biên bản tại 03 điểm trường L T T, Núi Thành và B V Đ); 20/10/2012 với nội dung đã kiểm tra và nhận đủ hàng. Quá trình khai nại tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, ông Phan Đình T xác định ông ký vào biên bản bàn giao là do chủ quan, kiểm tra không kỹ. (Lời khai của ông Phan Đình T tại biên bản phiên tòa BL 458). Mặt khác, ông Phan Đình T cũng khẳng định ngoài các biên bản giao nhận thiết bị của các Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa E&D với T T thì ông không ký bất kỳ biên bản giao nhận thiết bị sửa chữa, bảo hành nào khác đối với Công ty T

T. Như vậy, có cơ sở khẳng định, việc T T có giao hàng đối với 5 biên bản bàn giao có xác nhận của đại diện Công ty E&D về loại hàng và số lượng hàng hóa là có thật.

[5] Tại Điều 6 của các Hợp đồng mà Công ty T T soạn thảo và gửi cho Công ty E&D thể hiện thời hạn thanh toán đối với các hợp đồng là trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký biên bản giao nhận thiết bị. Thời điểm cuối cùng của ngày bàn giao thiết bị giữa hai bên là vào ngày 20/10/2012, quá trình giải quyết vụ án, E&D không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ thể hiện đã thanh toán cho T T theo nội dung đã thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng. Do vậy, HĐXX có cơ sở khẳng định E&D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thống nhất với T T thông qua các nội dung trao đổi tại Email và các lần thanh toán tương tự trước, là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên T T có yêu cầu khởi kiện thanh toán đối với số tiền chưa thanh toán trong thời hạn 15 ngày là 325.509.320 đồng là có cơ sở và được HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với số tiền lãi suất theo yêu cầu của Công ty T T tính trên số tiền chậm thanh toán là 0,75%/tháng. Căn cứ Án lệ 09 của Tòa án nhân dân tối cao xác định lãi suất trong trường hợp các bên không thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế được tính theo lãi suất của các liên ngân hàng (Theo lãi suất Trung hạn của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử từ ngày 30/7/2024 là 9.67%/năm). Tại phiên tòa, đại diện Công ty T T xác định chỉ tính lãi suất thời gian chậm thanh toán từ ngày 06/11/2012 đến phiên tòa xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ ngày 18/9/2015, xét yêu cầu của Công ty T T là phù hợp với Án lệ 09 và Điều 306 của Luật Thương Mại: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*. Mức lãi suất Công ty T T yêu cầu không vượt quá theo các quy định nên chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi suất công ty T T yêu cầu là 325.509.320 đồng x 0,75% x 150% x 34 tháng là 124.392.000 đồng.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, HĐXX xét thấy: Yêu cầu của bị đơn đối với Công ty T T liên quan đến các nội dung bảo hành sản phẩm. Do vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bảo hành sản phẩm quy định tại các Điều 445, 446, 447 để áp dụng là phù hợp.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, Công ty E&D cho rằng quá trình sử dụng máy móc, thiết bị của Công ty T T lắp đặt bị lỗi màn hình dẫn đến không thể sử dụng được và E&D đã mua số lượng 169 chiếc màn hình của Công ty Robo để thay thế phục vụ cho học sinh các trường tiếp tục sử dụng chương trình giáo dục nhằm đảm bảo uy tín của Công ty E&D với tổng số tiền 239.980.000 đồng (đơn

giá 01 máy là 1.420.000 đồng) để thay thế toàn bộ màn hình tại các Trường N K, T V O, T N T và P T.

[9] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty E&D, HĐXX xét thấy: Sau khi thực hiện việc lắp đặt máy tính tại các trường, đến tháng 4 năm 2013 mới phát sinh lỗi (cách thời gian lắp đặt khoảng 06 tháng) được quy định là thời gian bảo hành theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mà các bên đã ký kết. Quá trình thực hiện việc yêu cầu bảo hành, Công ty E&D đã sử dụng nhiều yêu cầu bảo hành thông qua việc gửi Email (BL 227), tại các công văn số 86 ngày 15/01/2013 (BL số 219, 220) Công ty E&D yêu cầu Công ty T T thực hiện việc bảo hành sản phẩm nhưng T T không có phản hồi cũng không thực hiện bảo hành theo cam kết của các bên và theo quy định của pháp luật. Điều 445 quy định về nghĩa vụ bảo hành: *“Bên bán có nghĩa vụ bảo hành đối với vật mua bán trong một thời hạn, gọi là thời hạn bảo hành, nếu việc bảo hành do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Thời hạn bảo hành được tính kể từ thời điểm bên mua có nghĩa vụ phải nhận vật.”* Cũng tại Điều 446 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về quyền được bảo hành như sau: *“Trong thời hạn bảo hành nếu bên mua phát hiện được khuyết tật của vật mua bán thì có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa không phải trả tiền, giảm giá, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác hoặc trả lại vật và lấy lại tiền”*. Đối chiếu với các quy định nêu trên và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định sau khi E&D thông báo cho T T về việc bảo hành không có phản hồi, E&D đã tiến hành mua 169 màn hình vi tính để thay thế tại các điểm trường và mua một số thiết bị, phụ tùng sửa chữa. Quá trình Tòa án tiến hành xác minh tại các điểm Trường P T, N K, T N T và T V O (TP Hồ Chí Minh) có cơ sở xác định tại điểm trường T N T và T V O có việc thay thế các màn hình máy tính. Hiệu trưởng trường T N T và T V O khẳng định tại thời điểm đó các màn hình máy tính do Công ty T T lắp đặt không thể sử dụng được. Do vậy, tại Trường T N T đã thay 41 màn hình AOC, Trường T V O thay thế 46 màn hình AOC. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại các Trường T N T và T V O để có cơ sở khẳng định việc E&D tiến hành thay các màn hình này là đúng. Hơn nữa, T T đã không thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Tại thời điểm hiện nay, các màn hình này đã không còn được sử dụng tại các trường nên Tòa án không có cơ sở xem xét gì thêm. Tuy nhiên, thông qua các nội dung xác minh tại hai điểm trường nêu trên thì có cơ sở khẳng định việc máy móc bị hư hỏng dẫn đến không thể sử dụng được tại hai điểm trường nêu trên và việc E&D có mua lại số lượng màn hình 87 cái để thay thế là có thật. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc khấu trừ số tiền do mua máy mới thay thế trên số lượng 87 cái x 1.420.000 đồng là **123.540.000 đồng** được HĐXX chấp nhận.

[10] Tại 2 điểm trường P T và N K. E&D xác định rằng có mua của Robo toàn bộ 169 màn hình để thay thế. Tuy nhiên, quá trình xác minh tại Công ty Robo

xác định có bán cho E&D số màn hình nêu trên nhưng mục đích để làm gì Công ty không rõ. Ngoài ra, xác minh tại các điểm trường P T, N K (Tại bút lục 388, 390) có cơ sở khẳng định có việc trực trặc các thiết bị điện tử nhưng quá trình bảo hành thế nào Nhà trường không rõ. Điều 446 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về quyền được bảo hành như sau: *“Trong thời hạn bảo hành nếu bên mua phát hiện được khuyết tật của vật mua bán thì có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa không phải trả tiền, giảm giá, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác hoặc trả lại vật và lấy lại tiền”*, như vậy, trong trường hợp yêu cầu bảo hành từ T T không thực hiện được thì đáng lẽ ra E&D phải lựa chọn quyền được bảo hành tại một trong các quy định tại Điều 446 Bộ luật Dân sự năm 2005 như nêu trên. Trong trường hợp T T không sửa chữa máy móc hoặc máy móc không thể sử dụng được thì E&D phải có biện pháp trả lại hàng hóa theo quy định và buộc T T trả lại tiền (Đồng thời phải kèm theo chứng cứ cần thiết cho việc trả lại hàng). Do vậy, đối với việc thay 82 màn hình tại điểm trường P T, N K là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Cũng từ nhận định nêu trên, việc thuê kho để chứa các màn hình máy tính không sử dụng với số tiền 22.400.000 đồng và mua thiết bị sửa chữa của Công ty E&D đối với số tiền 47.284.000 đồng là vượt quá nội dung bảo hành và không có chứng cứ chứng minh cụ thể nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[12] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 449.901.320 đồng; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền 123.540.000 đồng như nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[13] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Quá trình hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ đã cho thi hành toàn bộ số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn và bị đơn. Cụ thể, số tiền tạm ứng án phí của Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ XNK T T đã được hoàn trả lại theo lệnh thanh toán ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

Đối với Công ty TNHH E&D V N, số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu phản tố là 4.320.000 đồng đã được sung vào công quỹ nhà nước. Do vậy, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của Công ty TNHH E&D.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T T được chấp nhận nên Công ty E&D phải chịu án phí trên số tiền 449.901.320 đồng là 21.996.052 đồng. Được khấu trừ số tiền 4.320.000 đồng đã nộp trước đó, Công ty TNHH E&D còn phải tiếp tục chịu số tiền 17.676.052 đồng.

Do yêu cầu phản tố của E&D được chấp nhận nên T T phải chịu án phí kinh doanh thương mại trên số tiền 123.540.000 đồng là 6.177.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 157, 158, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 50, 330 Luật Thương mại;
- Các điều 444, 445, 446, 447 Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TM&DV XNK T T đối với Công ty TNHH E&D V N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH E&D V N đối với Công ty TNHH TM&DV XNK T T đối với số tiền 123.540.000 đồng
- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH E&D V N đối với Công ty TNHH TM&DV XNK T T về một phần số tiền thay màn hình, tiền thuê kho và mua phụ kiện sửa chữa.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH E&D V N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH TM&DV XNK T T 449.901.320 đồng.
2. Buộc Công ty TNHH TM&DV XNK T T phải trả cho Công ty TNHH E&D V N số tiền 123.540.000 đồng.
- 3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**
 - a. Công ty TNHH E&D V N phải chịu số tiền **17.676.052 đồng** (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai đồng).
 - b. Công ty TNHH TM&DV XNK T T phải chịu **6.177.000 đồng** (Sáu triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).
4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.
- 5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Nhớ

